

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Loại 1 pha 200~230VAC			HD	ND	V/f, sensorless vector control, tích hợp điện trở thắng, RS485 (LS Bus / Modbus RTU) dùng cho các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy đóng gói...)
SV004IG5A-1	0.4KW	1/2HP	2.5A	-	3,520,000
SV008IG5A-1	0.75KW	1HP	5A	-	3,780,000
SV015IG5A-1	1.5KW	2HP	8A	-	4,250,000
Loại 3 pha 200~230VAC			HD	ND	V/f, sensorless vector control, tích hợp điện trở thắng, RS485 (LS Bus / Modbus RTU)
SV004IG5A-2	0.4 KW	1/2HP	2.5A	-	3,190,000
SV008IG5A-2	0.75 KW	1HP	5A	-	3,450,000
SV015IG5A-2	1.5 KW	2HP	8A	-	3,990,000
SV022IG5A-2	2.2KW	3HP	12A	-	4,610,000
SV037IG5A-2	3.7KW	5HP	16A	-	5,210,000
SV040IG5A-2	4KW	5.4HP	17A	-	5,210,000
SV055IG5A-2	5.5KW	7.5HP	24A	-	7,800,000
SV075IG5A-2	7.5KW	10HP	32A	-	8,730,000
SV110IG5A-2	11KW	15HP	46A	-	16,020,000
SV150IG5A-2	15KW	20HP	60A	-	18,480,000
SV185IG5A-2	18.5KW	25HP	74A	-	21,290,000
SV220IG5A-2	22KW	30HP	88A	-	25,260,000
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	V/f, sensorless vector control, tích hợp điện trở thắng, RS485 (LS Bus / Modbus RTU)
SV004IG5A-4	0.4 KW	1/2HP	1.25A	-	3,430,000
SV008IG5A-4	0.75 KW	1HP	2.5A	-	3,620,000
SV015IG5A-4	1.5 KW	2HP	4A	-	3,970,000
SV022IG5A-4	2.2KW	3HP	6A	-	4,520,000
SV037IG5A-4	3.7KW	5HP	8A	-	5,380,000
SV040IG5A-4	4.0KW	5.4HP	9A	-	5,380,000
SV055IG5A-4	5.5KW	7.5HP	12A	-	7,560,000
SV075IG5A-4	7.5KW	10HP	16A	-	8,260,000
SV110IG5A-4	11KW	15HP	24A	-	14,350,000
SV150IG5A-4	15KW	20HP	30A	-	15,620,000
SV185IG5A-4	18.5KW	25HP	39A	-	18,540,000
SV220IG5A-4	22KW	30HP	45A	-	20,130,000
Remote 2m (with LCD for SV-IG5A)			Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 2 mét		580,000
Remote 3m (with LCD for SV-IG5A)			Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 3 mét		640,000
Remote 5m (with LCD for SV-IG5A)			Bàn phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 5 mét		730,000



- GHI CHÚ:


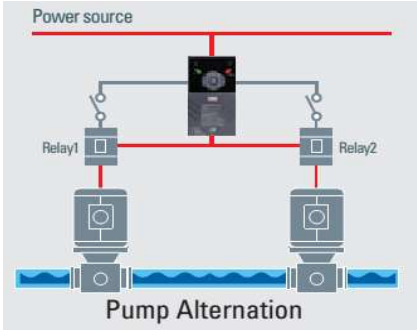
**HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.

**ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)





Tên hàng	KW	HP	Overload capacity	Output (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Loại 3 pha 200~230VAC (-15%~+10%)			Nomarl Duty	Normal Duty	Tích hợp màn hình, RS485 Modbus RTU, 2 relay điều khiển luân phiên 2 motor (Các tính năng còn lại tương tự iG5A) 	
INV,SV004IG5H-2	0.4	1/2PH	120% for 1 min.	2.5		3,100,000
INV,SV008IG5H-2	0.75	1	120% for 1 min.	5		3,350,000
INV,SV015IG5H-2	1.5	2	120% for 1 min.	8		3,880,000
INV,SV022IG5H-2	2.2	3	120% for 1 min.	12		4,470,000
INV,SV037IG5H-2	3.7	5	120% for 1 min.	16		5,050,000
INV,SV040IG5H-2	4	5.4	120% for 1 min.	17		5,050,000
INV,SV055IG5H-2	5.5	7.5	120% for 1 min.	24		7,570,000
INV,SV075IG5H-2	7.5	10	120% for 1 min.	32		8,480,000
Loại 3 pha 380~480VAC (-15%~+10%)			Overload capacity	Output (A)	Tích hợp màn hình, RS485 Modbus RTU, 2 relay điều khiển luân phiên 2 motor (Các tính năng còn lại tương tự iG5A) 	
INV,SV004IG5H-4	1/2PH	0.4	120% for 1 min.	1.25		3,330,000
INV,SV008IG5H-4	1	0.75	120% for 1 min.	2.5		3,520,000
INV,SV015IG5H-4	2	1.5	120% for 1 min.	4		3,860,000
INV,SV022IG5H-4	3	2.2	120% for 1 min.	6		4,390,000
INV,SV037IG5H-4	5	3.7	120% for 1 min.	8		5,220,000
INV,SV040IG5H-4	5.4	4	120% for 1 min.	9		5,220,000
INV,SV055IG5H-4	7.5	5.5	120% for 1 min.	12		7,340,000
INV,SV075IG5H-4	10	7.5	120% for 1 min.	16		8,020,000
Remote 2m (with LCD for SV-IG5A)					Bản phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 2 mét	580,000
Remote 3m (with LCD for SV-IG5A)					Bản phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 3 mét	640,000
Remote 5m (with LCD for SV-IG5A)					Bản phím dùng gắn ngoài kèm cáp kết nối loại 5 mét	730,000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	: V/f, V/f PG, sensorless vector, sensored vector, CT/VT dual ratings, built-in RS485(LS Bus / Modbus RTU)	
SV0008IS7-2NO	0.75	1HP	5A	8A		7,700,000
SV0015IS7-2NO	1.5	2HP	8A	12A		8,010,000
SV0022IS7-2NO	2.2	3HP	12A	16A		8,500,000
SV0037IS7-2NO	3.7	5HP	16A	24A		8,800,000
SV0055IS7-2NO	5.5	7.5HP	24A	32A		9,850,000
SV0075IS7-2NO	7.5	10HP	32A	46A		10,890,000
SV0110IS7-2NO	11	15HP	46A	60A		17,190,000
SV0150IS7-2NO	15	20HP	60A	74A		19,260,000
SV0185IS7-2NO	18.5	25HP	74A	88A		25,940,000
SV0220IS7-2NO	22	30HP	88A	124A		29,390,000
SV0300IS7-2SO	30	40HP	116A	146A	3 phase, 200~230VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz,, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	43,810,000
SV0370IS7-2SO	37	50HP	146A	180A		51,110,000
SV0450IS7-2SO	45	60HP	180A	220A		57,690,000
SV0550IS7-2SO	55	75HP	220A	288A		76,470,000
SV0750IS7-2SO	75	100HP	288A	345A		84,900,000
Loại 3 pha 380~480VAC			HD	ND	Built-in RS485(LS Bus / Modbus RTU)/ Ứng dụng cho các tải nặng như băng tải, máy khuấy, máy nén..., N: Chưa có màn hình, D: Tích hợp DC Reactor, Từ 0.75-22Kw tích hợp DBU	
SV0008IS7-4NO	0.75	1HP	2.5A	4A		7,450,000
SV0015IS7-4NO	1.5	2HP	4A	6A		7,790,000
SV0022IS7-4NO	2.2	3HP	6A	8A		8,160,000
SV0037IS7-4NO	3.7	5HP	8A	12A		8,370,000
SV0055IS7-4NO	5.5	7.5HP	12A	16A		9,570,000
SV0075IS7-4NO	7.5	10HP	16A	24A		10,380,000
SV0110IS7-4NO	11	15HP	24A	30A		16,040,000
SV0150IS7-4NO	15	20HP	30A	39A		17,760,000
SV0185IS7-4NO	18.5	25HP	39A	45A		21,960,000
SV0220IS7-4NO	22	30HP	45A	61A		24,890,000
SV0300IS7-4NO	30	40HP	62A	75A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz (±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng	37,180,000
SV0370IS7-4NO	37	50HP	75A	91A		40,380,000
SV0450IS7-4NO	45	60HP	92A	110A		47,760,000
SV0550IS7-4NO	55	75HP	111A	152A		52,910,000
SV0750IS7-4NO	75	100HP	152A	183A		62,770,000
SV0008IS7-4NOFD	0.75	1HP	2.5A	4A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp transistor điều khiển điện trở thẳng, bộ lọc EMC, cuộn kháng DC	9,220,000
SV0015IS7-4NOFD	1.5	2HP	4A	6A		9,680,000
SV0022IS7-4NOFD	2.2	3HP	6A	8A		10,110,000
SV0037IS7-4NOFD	3.7	5HP	8A	12A		10,430,000
SV0055IS7-4NOFD	5.5	7.5HP	12A	16A		12,040,000
SV0075IS7-4NOFD	7.5	10HP	16A	24A		13,040,000
SV0110IS7-4NOFD	11	15HP	24A	30A		20,150,000
SV0150IS7-4NOFD	15	20HP	30A	39A		23,540,000
SV0185IS7-4NOFD	18.5	25HP	39A	45A		28,480,000
SV0220IS7-4NOFD	22	30HP	45A	61A		32,130,000
SV0300IS7-4NOD	30	40HP	65A	75A	41,320,000	

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)







Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
SV0370IS7-4NOD	37	50HP	75A	91A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC	45,980,000
SV0450IS7-4NOD	45	60HP	91A	110A		54,350,000
SV0550IS7-4NOD	55	75HP	110A	152A		60,750,000
SV0750IS7-4NOD	75	100HP	152A	183A		68,890,000
SV0900IS7-4SOD	90	125HP	183A	223A	3 pha, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, tích hợp cuộn kháng DC, bàn phím	105,380,000
SV1100IS7-4SOD	110	150HP	223A	264A		111,850,000
SV1320IS7-4SOD	132	175HP	264A	325A		123,950,000
SV1600IS7-4SOD	160	215HP	325A	370A		159,700,000
SV1850IS7-4SOD	185	250HP	370A	432A		216,440,000
SV2200IS7-4SOD	220	300HP	432A	547A		227,840,000
SV2800IS7-4SO	285	350HP	547A	613A		394,350,000
SV3150IS7-4SO	315	400HP	613A	731A		483,530,000
SV3750IS7-4SO	375	500HP	731A	877A	519,870,000	
SV-IS7 LCD Key pad					Bảng điều khiển màn hình màu dùng cho iS7 (đa ngôn ngữ: English, Italian, Spanish, Russian, Turkish)	1,060,000
Remote cable 2m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 2 mét	280,000
Remote cable 3m (for IS7)					Cáp kết nối bảng điều khiển và biến tần iS7 loại 3 mét	300,000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Loại 1 pha 200~240VAC - IP20			HD	ND	V/f, fixed keypad, EMC filter(C2)	
LSLV0001M100-1EOFNS	0.1KW	1/8HP	0.8A	-	 <p>1 phase, 200~240VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz (Standard I/O: 3 Digital Inputs, 1 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 1 Relay)</p>	2,260,000
LSLV0002M100-1EOFNS	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		2,330,000
LSLV0004M100-1EOFNS	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		2,500,000
LSLV0008M100-1EOFNS	0.75KW	1HP	4.2A	-		2,650,000
LSLV0015M100-1EOFNS	1.5KW	2HP	7.5A	-		3,130,000
LSLV0022M100-1EOFNS	2.2KW	3HP	10A	-		3,420,000
Loại 1 pha 200~240VAC - IP20			HD	ND	V/f, fixed keypad, EMC filter(C2)	
LSLV0001M100-1EOFNA	0.1KW	1/8HP	0.8A	-	 <p>1 phase, 200~240VAC(±10%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz (Advanced I/O: 5 Digital Inputs, 2 Analog Input, 1 Analog Output, 1 Open Collector, 2 Relay, RS485)</p>	2,440,000
LSLV0002M100-1EOFNA	0.2KW	1/4HP	1.4A	-		2,520,000
LSLV0004M100-1EOFNA	0.4KW	1/2HP	2.4A	-		2,680,000
LSLV0008M100-1EOFNA	0.75KW	1HP	4.2A	-		2,850,000
LSLV0015M100-1EOFNA	1.5KW	2HP	7.5A	-		3,370,000
LSLV0022M100-1EOFNA	2.2KW	3HP	10A	-		3,670,000
Loại 3 Pha 220~230VAC - IP20				ND	V/f, RS485(LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), đã có màn hình (HAND/OFF/AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt,...	
LSLV0008H100-2CONN	0.75kW	1HP		6A	 <p>3 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, IP20, built-in Dynamic braking transistor, EMC Filter(C3)</p>	5,280,000
LSLV0015H100-2CONN	1.5kW	2HP		9.6A		5,630,000
LSLV0022H100-2CONN	2.2kW	3HP		12A		6,340,000
LSLV0037H100-2CONN	3.7kW	5HP		18A		7,130,000
LSLV0055H100-2CONN	5.5kW	7.5HP		22A		8,600,000
LSLV0075H100-2CONN	7.5kW	10HP		30A		9,810,000
LSLV0110H100-2CONN	11KW	15HP		42A		11,150,000
LSLV0150H100-2CONN	15KW	20HP		59A		15,010,000
LSLV0185H100-2CONN	18.5KW	25HP		69A		19,510,000
Loại 3 Phase 380~480VAC - IP20, IP00				ND	V/f, RS485(LS Bus / Modbus RTU / BACnet / Metasys N2), Pulse train I/O, RTC(Real Time Clock), đã có màn hình (HAND/ OFF/ AUTO), USB Port/ Ứng dụng chuyên cho hệ HVAC, Bơm, Quạt,...	
LSLV0008H100-4COFN	0.75kW	1HP		2.4A	 <p>3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.01~400Hz, IP20, built-in Dynamic braking transistor, EMC Filter(C3)</p>	5,580,000
LSLV0015H100-4COFN	1.5kW	2HP		4A		5,840,000
LSLV0022H100-4COFN	2.2kW	3HP		6A		6,300,000
LSLV0037H100-4COFN	3.7kW	5HP		8A		7,030,000
LSLV0055H100-4COFN	5.5kW	7.5HP		12A		7,950,000
LSLV0075H100-4COFN	7.5kW	10HP		16A		9,240,000
LSLV0110H100-4COFN	11KW	15HP		24A		10,380,000
LSLV0150H100-4COFN	15KW	20HP		30A		14,270,000
LSLV0185H100-4COFN	18.5KW	25HP		38A		17,020,000
LSLV0220H100-4COFN	22KW	30HP		45A		21,980,000
LSLV0300H100-4COFN	30KW	40HP		61A		25,960,000
LSLV0370H100-4COND	37KW	50HP		75A		33,210,000
LSLV0450H100-4COND	45KW	60HP		91A		39,950,000
LSLV0550H100-4COND	55KW	75HP		107A		46,650,000
LSLV0370H100-4COFD	37KW	50HP		75A		36,400,000
LSLV0450H100-4COFD	45KW	60HP		91A		43,680,000
LSLV0550H100-4COFD	55KW	75HP		107A	51,010,000	
LSLV0750H100-4COFD	75KW	100HP		142A	52,200,000	
LSLV0900H100-4COFD	90KW	125HP		169A	63,370,000	
LSLV1100H100-4COFD	110KW	150HP		223	92,560,000	

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
LSLV1320H100-4COFD	132KW	200HP	264	3 phase, 380~500VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, IP20, built-in EMC Filter(C3), DC Reactor	97,760,000
LSLV1600H100-4COFD	160KW	250HP	325		112,480,000
LSLV1850H100-4COFD	185KW	300HP	370		128,960,000
LSLV2200H100-4COFD	220KW	350HP	432	220kW(350HP), 3 phase, 380~500VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, IP00, built-in EMC Filter(C3), DC Reactor	151,840,000
LSLV2500H100-4COFD	250KW	400HP	481		171,600,000
LSLV3150H100-4COFD	315KW	500HP	613		376,480,000
LSLV3550H100-4COFD	355KW	550HP	683		416,000,000
LSLV4000H100-4COFD	400KW	650HP	770		468,000,000
LSLV5000H100-4COFD	500KW	800HP	962		513,760,000

- GHI CHÚ:

**HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.

**ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Loại 1 pha 200~240VAC (Protection degree IP20)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải, máy nén, máy cán...)
LSLV0004S100-1EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	4,580,000
LSLV0008S100-1EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-	4,910,000
LSLV0015S100-1EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-	5,520,000
LSLV0022S100-1EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-	5,920,000
Loại 3 Pha 200~240VAC (Protection degree IP20)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)
LSLV0004S100-2EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-	3,840,000
LSLV0008S100-2EONNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-	4,150,000
LSLV0015S100-2EONNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-	4,790,000
LSLV0022S100-2EONNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-	5,520,000
LSLV0037S100-2EONNS	3.7/4kw	5HP	16A	-	6,260,000
LSLV0040S100-2EONNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-	6,260,000
LSLV0055S100-2EONNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-	8,960,000
LSLV0075S100-2EONNS	7.5/11kw	10HP	32A	-	10,040,000
LSLV0110S100-2EONNS	11/15kw	15HP	46A	-	16,040,000
LSLV0150S100-2EONNS	15/18.5kw	20HP	60A	-	18,580,000
Loại 3 Pha 380~480VAC (Protection degree IP20)			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...)
LSLV0004S100-4EONNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-	4,120,000
LSLV0008S100-4EONNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-	4,350,000
LSLV0015S100-4EONNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-	4,760,000
LSLV0022S100-4EONNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-	5,420,000
LSLV0037S100-4EONNS	3.7/4kw	5HP	8A	-	6,460,000
LSLV0040S100-4EONNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-	6,460,000
LSLV0055S100-4EONNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-	8,690,000
LSLV0075S100-4EONNS	7.5/11kw	10HP	16A	-	9,500,000
LSLV0110S100-4EONNS	11/15kw	15HP	24A	-	15,260,000
LSLV0150S100-4EONNS	15/18.5kw	20HP	30A	-	16,890,000
LSLV0185S100-4EONNS	18.5/22kw	25HP	39A	-	19,780,000
LSLV0220S100-4EONNS	22/30kw	30HP	45A	-	22,420,000
LSLV0300S100-4CONDS	30/37kw	40HP	61A	-	35,160,000
LSLV0370S100-4CONDS	37/45kw	50HP	75A	-	39,590,000
LSLV0450S100-4CONDS	45/55kw	60HP	91A	-	45,150,000
LSLV0550S100-4CONDS	55/75kw	75HP	110A	-	51,700,000
LSLV0750S100-4CONDS	75/90kw	100HP	152A	-	56,540,000



BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	KW	HP	In (A)		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Loại 3 Pha 200~230VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...) 3 phase, 200~240VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	
LSLV0004S100-2EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	2.5A	-		7,660,000
LSLV0008S100-2EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	5A	-		8,290,000
LSLV0015S100-2EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	8A	-		9,590,000
LSLV0022S100-2EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	11A	-		11,040,000
LSLV0037S100-2EXNNS	3.7/4kw	5HP	16A	-		11,260,000
LSLV0040S100-2EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	17A	-		11,260,000
LSLV0055S100-2EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	24A	-		14,350,000
LSLV0075S100-2EXNNS	7.5/11kw	10HP	32A	-		16,060,000
LSLV0110S100-2EXNNS	11/15kw	15HP	46A	-		24,040,000
LSLV0150S100-2EXNNS	15/18.5kw	20HP	60A	-		27,880,000
Loại 3 Phase 380~480VAC (Protection degree IP66 (NEMA4X))			HD	ND	Semi-Dual rating, V/f, sensorless vector control, RS485 (LS Bus / Modbus RTU), Safety Torque off, Pulse train I/O/ Các ứng dụng cơ bản (bơm, quạt, băng tải...) 3 phase, 380~480VAC(+10%,-15%), 50~60Hz(±5%), 0.1~400Hz, tích hợp bàn phím, điện trở thắng, control terminal I/O 5mm pitch	
LSLV0004S100-4EXNNS	0.4/0.75kw	1/2HP	1.25A	-		8,220,000
LSLV0008S100-4EXNNS	0.75/1.5kw	1HP	2.5A	-		8,690,000
LSLV0015S100-4EXNNS	1.5/2.2kw	2HP	4A	-		9,540,000
LSLV0022S100-4EXNNS	2.2/3.7kw	3HP	5.5A	-		10,840,000
LSLV0037S100-4EXNNS	3.7/4kw	5HP	8A	-		11,630,000
LSLV0040S100-4EXNNS	4/5.5kw	5.4HP	9A	-		11,630,000
LSLV0055S100-4EXNNS	5.5/7.5kw	7.5HP	12A	-		13,050,000
LSLV0075S100-4EXNNS	7.5/11kw	10HP	16A	-		14,470,000
LSLV0110S100-4EXNNS	11/15kw	15HP	24A	-		20,460,000
LSLV0150S100-4EXNNS	15/18.5kw	20HP	30A	-		22,600,000
LSLV0185S100-4EXNNS	18.5/22kw	25HP	39A	-		25,020,000
LSLV0220S100-4EXNNS	22/30kw	30HP	45A	-		27,180,000
Phụ kiện dùng cho LSLV S100:						
CANOpen(LSLV-S100),CCAN-S100						2,160,000
Profibus-DP(LSLV-S100),CPDP-S100						3,360,000
Ethernet(LSLV-S100),CENT-S100						1,920,000

- **GHI CHÚ:**

**HD(Heavy Duty) Overload 150% 1min.

**ND(Normal Duty): Overload 110% or 120% 1min

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
Dynamic Braking Unit (DBU) Bộ Transistor để gắn Điện trở xả vào.		
Dynamic Braking Unit (DBU) - 200~230V		
LSLV0150DBU-2LN	Brake unit for 15kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3,280,000
LSLV0220DBU-2LN	Brake unit for 22kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3,800,000
LSLV0370DBU-2LN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,530,000
LSLV0370DBU-2HN	Brake unit for 37kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	10,440,000
LSLV0750DBU-2LN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5,860,000
LSLV0750DBU-2HN	Brake unit for 75kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	14,920,000
LSLV0900DBU-2HN	Brake unit for 90kW, 220V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	16,710,000
Dynamic Braking Unit (DBU) - 380~400V		
LSLV0150DBU-4LN	Brake unit for 15kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3,280,000
LSLV0220DBU-4LN	Brake unit for 22kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	3,800,000
LSLV0370DBU-4LN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	4,530,000
LSLV0370DBU-4HN	Brake unit for 37kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	9,950,000
LSLV0750DBU-4LN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~10%ED (Enable Duty)	5,860,000
LSLV0750DBU-4HN	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	14,220,000
INV,SV750DB-4	Brake unit for 75kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	14,970,000
LSLV0900DBU-4HN	Brake unit for 90kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	15,920,000
LSLV1320DBU-4HN	Brake unit for 132kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	17,830,000
LSLV1600DBU-4HN	Brake unit for 160kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	19,970,000
LSLV2200DBU-4HN	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 5~50%ED (Enable Duty)	20,730,000
INV,SV2200DB-4	Brake unit for 220kW, 440V / 150% Average Braking Torque / 100%ED (Enable Duty), CE certificated	21,820,000
External brake resistors (Điện trở xả)	Temperature range: -50~200°C , Insulation resistance: over 100MΩ, Dielectric strength: AC 2,500V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max	
MCRA 50W 1.8K OHM J	50 wat, 1800ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	110,000
MCRA 100W 1.2K OHM J	100 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	120,000
MCRA 200W 1.2K OHM J	200 wat, 1200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	210,000
MCRA 100W 900 OHM J	100 wat, 900ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	120,000
MCRA 150W 600 OHM J	150 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	160,000
MCRA 200W 450 OHM J	200 wat, 450ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	210,000
MCRA 50W 400 OHM J	50 wat, 400ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	110,000
MCRA 100W 300 OHM J	100 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	120,000
MCRA 200W 300 OHM J	200 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	210,000
MCRA 100W 200 OHM J	100 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	120,000
MCRA 150W 150 OHM J	150 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	160,000
MCRA 200W 100 OHM J	200 wat, 100ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	210,000
MCRF 300W 600 OHM J	300 wat, 600ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	360,000

Phu kien

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng		Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
	MCRF 300W 300 OHM J	300 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	360,000
	MCRF 600W 300 OHM J	600 wat, 300ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520,000
	MCRF 400W 200 OHM J	400 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	440,000
	MCRF 800W 200 OHM J	800 wat, 200ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	580,000
	MCRF 300W 150 OHM J	300 wat, 150ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	360,000
	MCRF 600W 130 OHM J	600 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520,000
	MCRF 1.2kW 130 OHM J	1200 wat, 130ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	720,000
	MCRF 700W 120 OHM J	700 wat, 120ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	570,000
	MCRF 1kW 90 OHM J	1000 wat, 90ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	620,000
	MCRF 1kW 85 OHM J	1000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	620,000
	MCRF 2kW 85 OHM J	2000 wat, 85ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,190,000
	MCRF 300W 60 OHM J	300 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	360,000
	MCRF 600W 60 OHM J	600 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520,000
	MCRF 1.2kW 60 OHM J	1200 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	720,000
	MCRF 400W 50 OHM J	400 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	440,000
	MCRF 800W 50 OHM J	800 wat, 50ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	580,000
	MCRF 2kW 45 OHM J	2000 wat, 45ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,190,000
	MCRF 500W 40 OHM J	500 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	470,000
	MCRF 2kW 40 OHM J	2000 wat, 40ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,190,000
	MCRF 1.6kW 33.9 OHM J	1600 wat, 33.9ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	910,000
	MCRF 600W 33 OHM J	600 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	520,000
	MCRF 1.2kW 33 OHM J	1200 wat, 33ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	720,000
	MCRF 800W 20 OHM J	800 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	580,000
	MCRF 1.6kW 20 OHM J	1600 wat, 20ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	910,000
	MCRF 1.2kW 15 OHM J	1200 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	720,000
	MCRF 1.6kW 8.5 OHM J	1600 wat, 8.5ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	910,000
	MCRS 2.4kW 60 OHM J	2400 wat, 60ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,750,000
	MCRS 2.4kW 35 OHM J	2400 wat, 35ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,750,000
	MCRS 2.4kW 30 OHM J	2400 wat, 30ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,750,000
	MCRS 2.4kW 22.8 OHM J	2400 wat, 22.8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,750,000
	MCRS 2.4kW 15 OHM J	2400 wat, 15ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,750,000
	MCRS 2.4kW 10 OHM J	2400 wat, 10ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,750,000
	MCRS 2.4kW 8 OHM J	2400 wat, 8ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,750,000
	MCRS 2.4kW 5.7 OHM J	2400 wat, 5.7ohm resistor (Based on 5% ED (Enable duty))	1,750,000
Brake resistors (Case package type with thermostat sensor)		Temperature range: -50~200°C , Insulation resistance: over 20MΩ, Dielectric strength: AC 2,500V / 1 Min, Temperature coefficient: ±260 ppm / °C max, Thermostat sensor: B contact	
	MCRF-ST 1.2kW 60 OHM J	1200 watt, 60 ohm resistor,	2,390,000
	MCRF-ST 2kW 45 OHM J	2000 watt, 45 ohm resistor	2,780,000
	MCRF-ST 2kW 40 OHM J	2000 watt, 40 ohm resistor	2,780,000

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
MCRF-ST 4kW 40 OHM J	4000 watt, 40 ohm resistor	4,700,000
MCRF-ST 2.4kW 35 OHM	2400 watt, 35 ohm resistor	3,280,000
MCRF-ST 1.6kW 33.9 OHM J	1600 watt, 33.9 ohm resistor	2,780,000
MCRF-ST 2.4kW 30 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	3,280,000
MCRF-ST 4.8kW 30 OHM J	4800 watt, 30 ohm resistor	5,620,000
MCRF-ST 2.4kW 22.8 OHM J	2400 watt, 30 ohm resistor	3,280,000
MCRF-ST 3.6kW 20 OHM J	3600 watt, 20 ohm resistor	4,150,000
MCRF-ST 7.2kW 20 OHM J	7200 watt, 20 ohm resistor	6,840,000
MCRF-ST 3.2kW 16.9 OHM J	3200 watt, 16.9 ohm resistor	4,150,000
MCRF-ST 1.2kW 15 OHM J	1200 watt, 15 ohm resistor	2,390,000
MCRF-ST 5kW 12 OHM J	5000 watt, 12 ohm resistor	5,620,000
MCRF-ST 10kW 12 OHM J	10000 watt, 12 ohm resistor	9,570,000
MCRF-ST 4.8kW 11.4 OHM J	4800 watt, 11.4 ohm resistor	5,620,000
MCRF-ST 2.4kW 10 OHM J	2400 watt, 10 ohm resistor	3,280,000
MCRF-ST 4.8kW 10 OHM J	4800 watt, 10 ohm resistor	5,620,000
MCRF-ST 6.4kW 10 OHM J	6400 watt, 10 ohm resistor	6,800,000
MCRF-ST 12.8kW 10 OHM J	12800 watt, 10 ohm resistor	12,200,000
MCRF-ST 1.6kW 8.5 OHM J	1600 watt, 8.5 ohm resistor	2,780,000
MCRF-ST 6.4kW 8.4 OHM J	6400 watt, 8.4 ohm resistor	6,800,000
MCRF-ST 7.2kW 8.4 OHM J	7200 watt, 8.4 ohm resistor	6,840,000
MCRF-ST 14.4kW 8.4 OHM J	14400 watt, 8.4 ohm resistor	12,670,000
MCRF-ST 2.4kW 8 OHM J	2400 watt, 8 ohm resistor	3,280,000
MCRF-ST 4.8kW 8 OHM J	4800 watt, 8 ohm resistor	5,620,000
MCRF-ST 10kW 6 OHM J	10000 watt, 6 ohm resistor	9,570,000
MCRF-ST 20kW 6 OHM J	20000 watt, 6 ohm resistor	17,820,000
MCRF-ST 2.4kW 5.7 OHM J	2400 watt, 5.7 ohm resistor	3,280,000
MCRF-ST 3.6kW 5 OHM J	3600 watt, 5 ohm resistor	4,150,000
MCRF-ST 7.2kW 5 OHM J	7200 watt, 5 ohm resistor	6,840,000
MCRF-ST 13kW 5 OHM J	13000 watt, 5 ohm resistor	12,200,000
MCRF-ST 26kW 5 OHM J	26000 watt, 5 ohm resistor	24,860,000
MCRF-ST 3.2kW 4.2 OHM J	3200 watt, 4.2 ohm resistor	4,150,000
MCRF-ST 16kW 4 OHM J	16000 watt, 4 ohm resistor	16,420,000
MCRF-ST 32kW 4 OHM J	32000 watt, 4 ohm resistor	29,550,000
MCRF-ST 20kW 3.4 OHM J	20000 watt, 3.4 ohm resistor	17,820,000
MCRF-ST 40kW 3.4 OHM J	40000 watt, 3.4 ohm resistor	34,710,000
MCRF-ST 5kW 3 OHM J	5000 watt, 3 ohm resistor	5,620,000
MCRF-ST 10kW 3 OHM J	10000 watt, 3 ohm resistor	9,570,000
MCRF-ST 4.8kW 2.8 OHM J	4800 watt, 2.8 ohm resistor	5,620,000
MCRF-ST 24kW 2.8 OHM J	24000 watt, 2.8 ohm resistor	23,450,000

Phu kien

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN LS - HÀN QUỐC

(Áp dụng từ ngày 15-05-2020)



Tên hàng	Mô tả	Đơn giá (VNĐ)
MCRF-ST 48kW 2.8 OHM J	48000 watt, 2.8 ohm resistor	42,210,000
MCRF-ST 6kW 2.4 OHM J	6000 watt, 2.4 ohm resistor	6,330,000
MCRF-ST 12kW 2.4 OHM J	12000 watt, 2.4 ohm resistor	11,720,000
MCRF-ST 26kW 2.4 OHM J	26000 watt, 2.4 ohm resistor	24,860,000
MCRF-ST 52kW 2.4 OHM J	52000 watt, 2.4 ohm resistor	57,690,000
MCRF-ST 7.5kW 2 OHM J	7500 watt, 2 ohm resistor	7,510,000
MCRF-ST 15kW 2 OHM J	15000 watt, 2 ohm resistor	12,670,000
MCRF-ST 30kW 2 OHM J	30000 watt, 2 ohm resistor	26,970,000
MCRF-ST 60kW 2 OHM J	60000 watt, 2 ohm resistor	60,980,000
MCRF-ST 10kW 1.5 OHM J	10000 watt, 1.5 ohm resistor	9,570,000
MCRF-ST 20kW 1.5 OHM J	20000 watt, 1.5 ohm resistor	17,820,000
MCRF-ST 13kW 1.2 OHM J	13000 watt, 1.2 ohm resistor	12,200,000
MCRF-ST 26kW 1.2 OHM J	26000 watt, 1.2 ohm resistor	24,860,000